

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

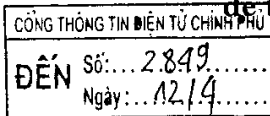
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /2013/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 09 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà và các loại tài sản khác để tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Cà Mau



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 78/TTr-STC ngày 06 tháng 3 năm 2013 và ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 719/STP-XD&THVB ngày 06 tháng 12 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà và các loại tài sản khác để tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Cà Mau như sau:

1. Đối với nhà:

a) Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ là toàn bộ diện tích sàn nhà (kể cả diện tích công trình phụ kèm theo) thuộc sở hữu hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Giá một (01) mét vuông (m^2) nhà là giá thực tế xây dựng mới một (01) mét vuông (m^2) sàn nhà của từng cấp nhà, hạng nhà do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm tính lệ phí trước bạ.

b) Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ được quy định như sau:

- Khai lệ phí trước bạ lần đầu đối với nhà có thời gian đã sử dụng dưới 05 (năm) năm là 100%.

- Khai nộp trước bạ lần đầu đối với nhà chịu lệ phí trước bạ có thời gian đã sử dụng từ 05 (năm) năm trở lên thì áp dụng tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà có thời gian sử dụng tương ứng theo hướng dẫn tại Điểm c, Khoản này.

c) Kê khai lệ phí trước bạ từ lần thứ 2 trở đi: Cấp nhà trong Bảng kê khai được phân theo Thông tư số 33/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị (cấp nhà quy định tại Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2010 của UBND tỉnh), có quy chiếu với cấp nhà phân theo Thông tư số 05-BXD/ĐT ngày 09 tháng 02 năm 1993 của Bộ Xây dựng.

Thời gian đã sử dụng	Nhà cấp III-A (Nhà biệt thự theo Thông tư số 05-BXD/ĐT)	Nhà cấp III-B (Nhà cấp I theo Thông tư số 05-BXD/ĐT)	Nhà cấp IV-A (Nhà cấp II theo Thông tư số 05-BXD/ĐT)	Nhà cấp IV-B (Nhà cấp III theo Thông tư số 05-BXD/ĐT)	Nhà cấp IV-C (Nhà cấp IV theo Thông tư số 05-BXD/ĐT)
Dưới 05 năm	95%	90%	90%	80%	80%
Từ 05 năm đến 10 năm	85%	80%	80%	65%	65%
Trên 10 năm đến 20 năm	70%	60%	55%	35%	35%
Trên 20 năm đến 50 năm	50%	40%	35%	25%	25%
Trên 50 năm	30%	25%	25%	20%	20%

Thời gian sử dụng của nhà được tính từ thời điểm (năm) xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến năm kê khai, nộp lệ phí trước bạ nhà đó. Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ để xác định được năm xây dựng nhà thì theo năm mua nhà hoặc nhận nhà.

2. Đối với tài sản khác là súng săn, súng thể thao, tàu thủy (kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy), thuyền (kể cả du thuyền), tàu bay, xe ô tô (kể cả ô tô điện), romoóc hoặc sơ mi romoóc được kéo bởi ô tô, xe mô tô các loại, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) đã qua sử dụng thì giá tính lệ phí trước bạ là giá trị tài sản mới (100%) nhân (x) tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của tài sản trước bạ như sau:

a) Giá trị tài sản mới (100%) xác định theo bảng giá tài sản tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của tài sản kê khai trước bạ được quy định cụ thể như sau:

- Kê khai trước bạ lần đầu:

+ Tài sản mới: 100%

+ Tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam: 85%

- Kê khai lệ phí trước bạ từ lần thứ 02 trở đi:

+ Thời gian đã qua sử dụng trong 01 năm: 85%

+ Thời gian đã qua sử dụng trên 01 đến 03 năm: 70%

+ Thời gian đã qua sử dụng từ trên 03 đến 06 năm: 50%

- + Thời gian đã qua sử dụng trên 06 đến 10 năm: 30%
- + Thời gian đã qua sử dụng trên 10 năm: 20%
- Thời gian sử dụng của tài sản được xác định như sau:
 - + Đối với tài sản được sản xuất tại Việt Nam, thời gian đã qua sử dụng tính từ thời điểm (năm) sản xuất tài sản đó đến năm kê khai lệ phí trước bạ.
 - + Đối với tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu: kê khai lệ phí trước bạ tại Việt Nam từ lần thứ 02 trở đi, thời gian sử dụng tính từ thời điểm (năm) sản xuất tài sản đó đến năm kê khai lệ phí trước bạ và giá trị tài sản làm căn cứ xác định giá tính lệ phí trước bạ là giá của loại tài sản tương ứng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mới 100%.
 - + Trường hợp không xác định được thời điểm (năm) sản xuất tài sản đó thì thời gian đã qua sử dụng tính từ thời điểm (năm) nhập khẩu tài sản đó và giá trị tài sản làm căn cứ xác định giá tính lệ phí trước bạ là giá của loại tài sản tương ứng đã qua sử dụng (85%).

Điều 2. Giao Cục trưởng Cục Thuế Cà Mau phối hợp Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

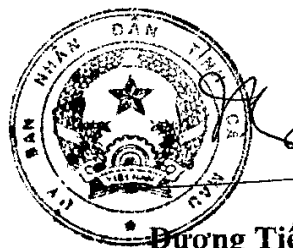
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế Cà Mau; Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chỉ cục trưởng Chi cục Thuế các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo Cà Mau;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NN - Nhà đất;
- Lưu: VT, L12/4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Tiến Dũng